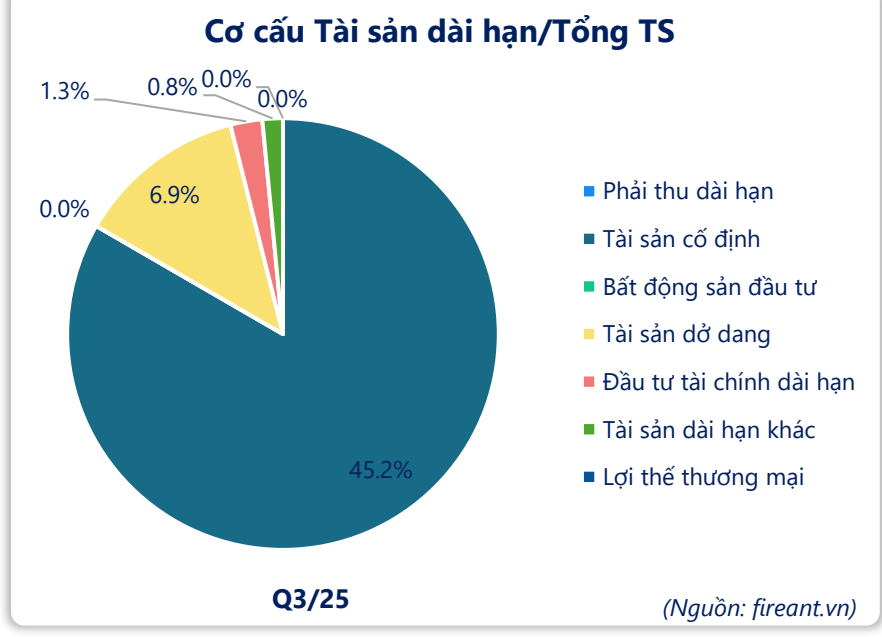
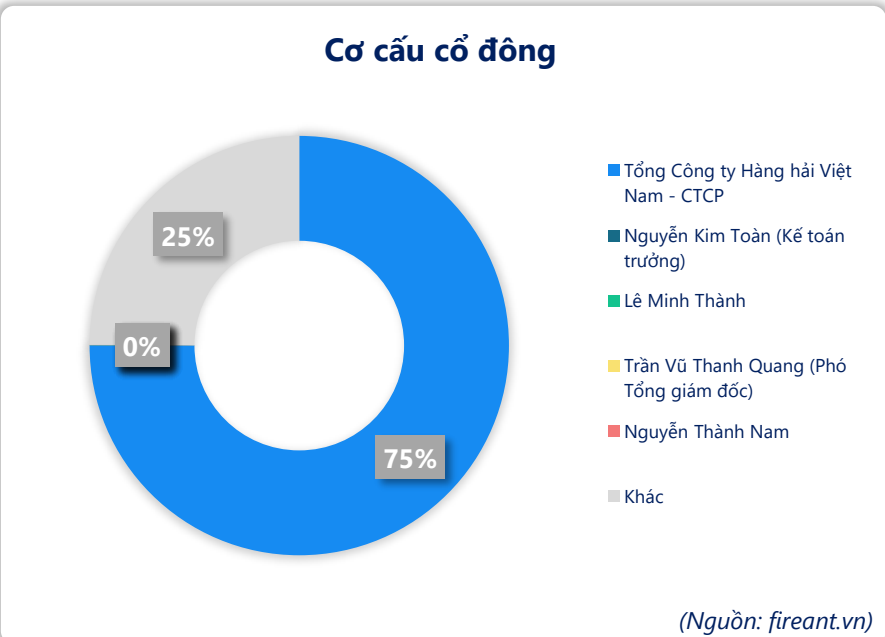
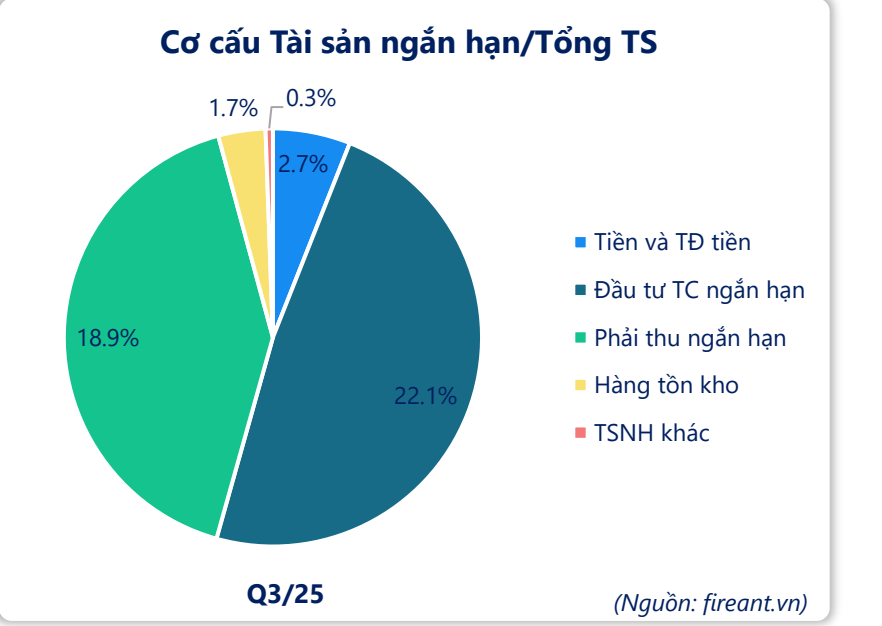
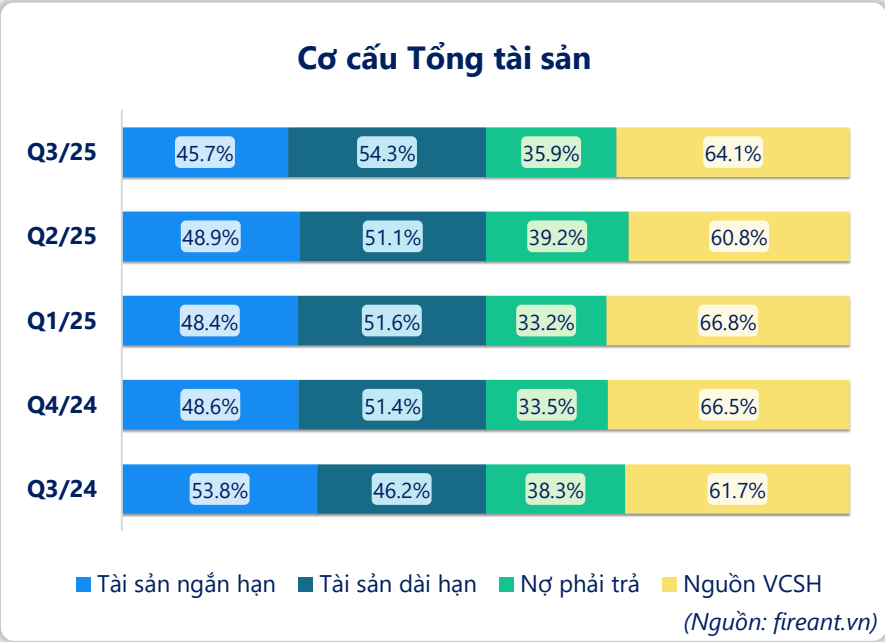
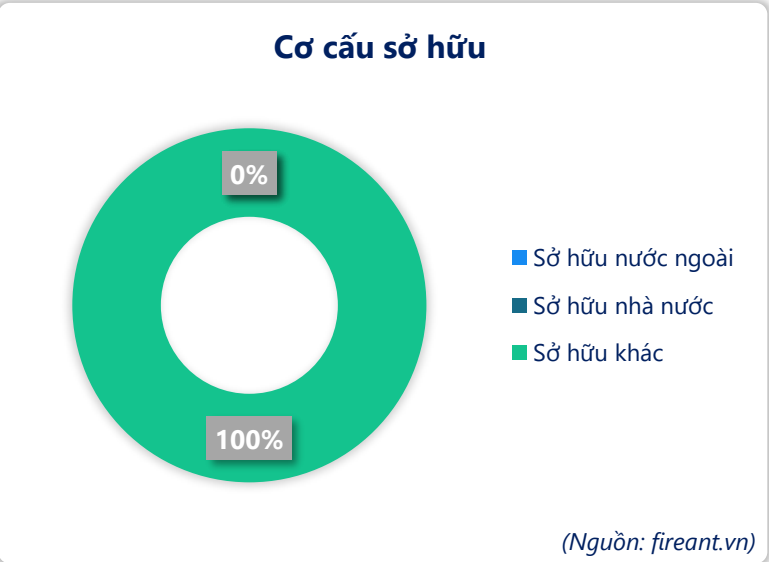
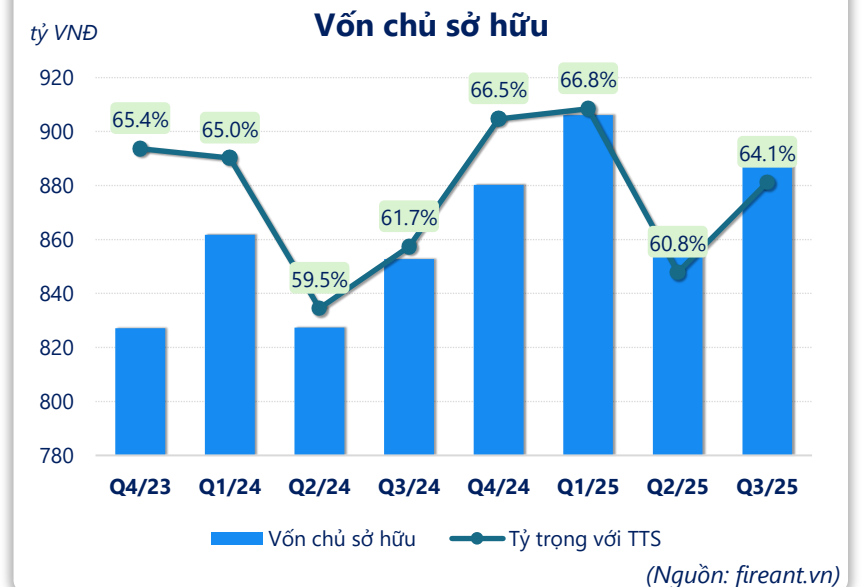
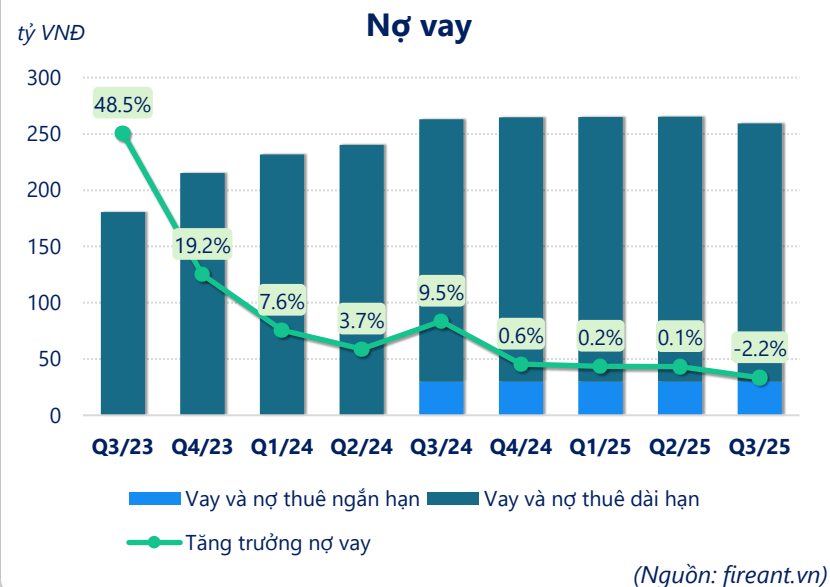
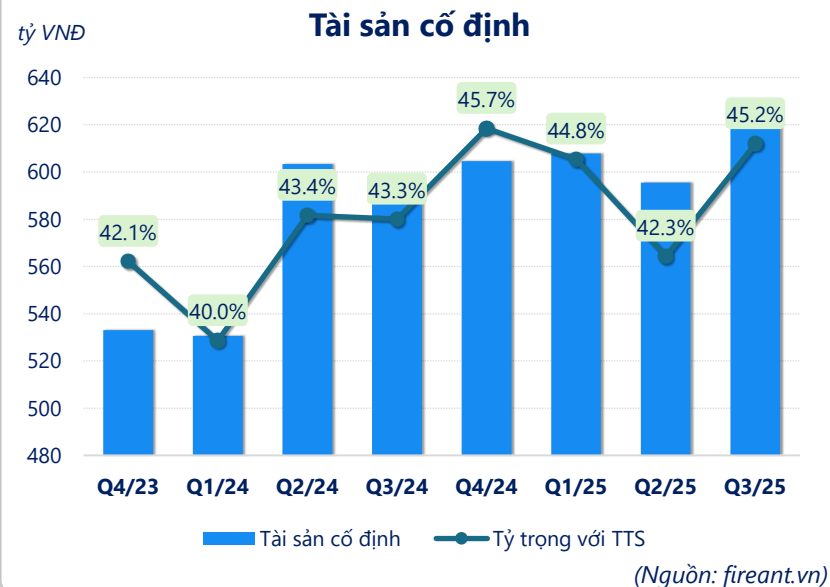
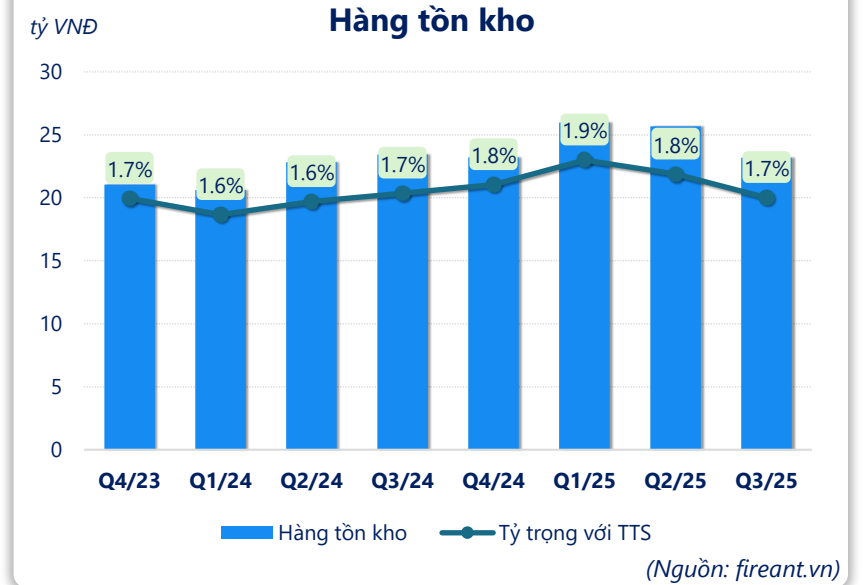
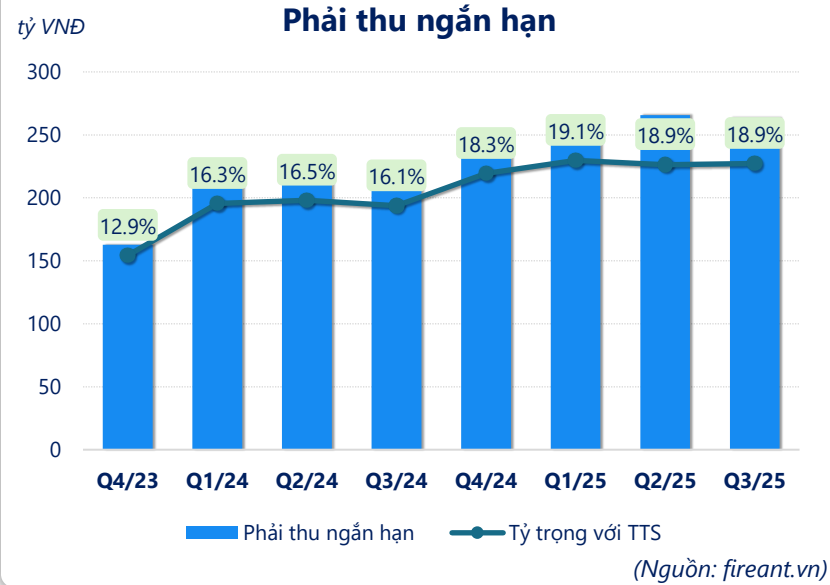
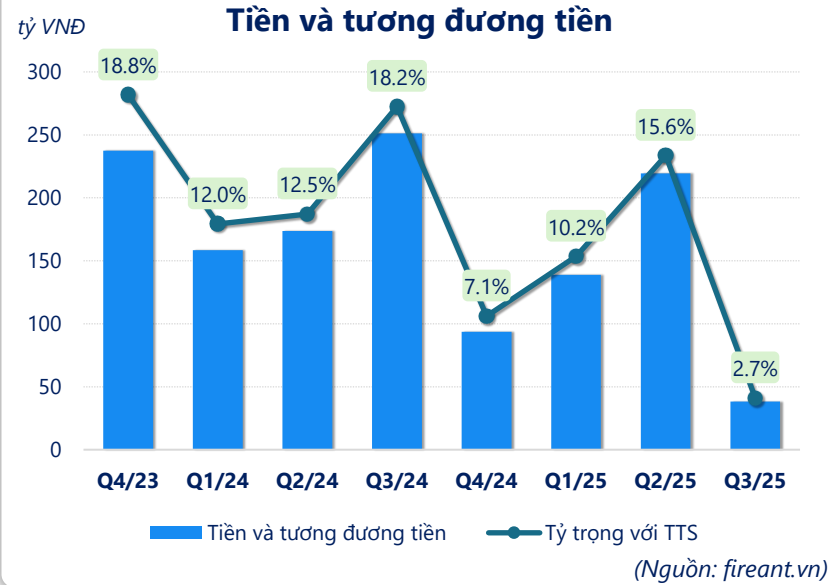
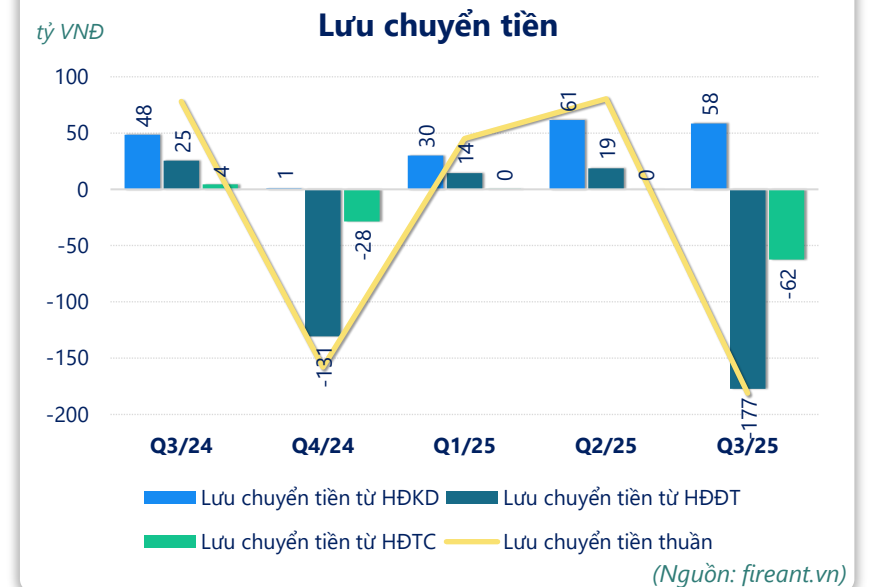
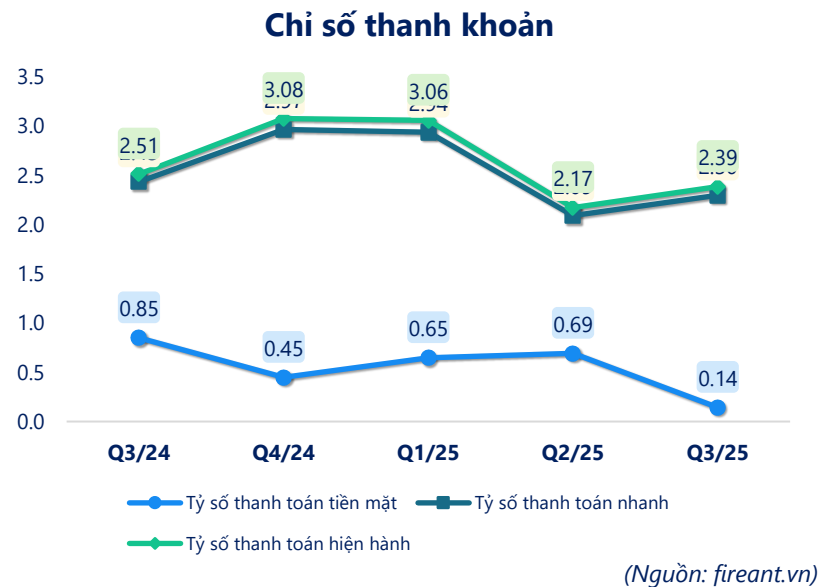
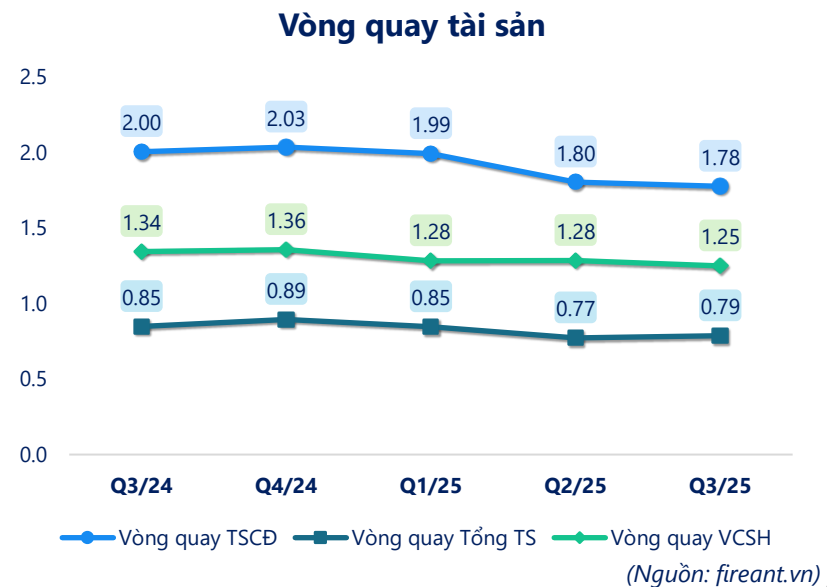
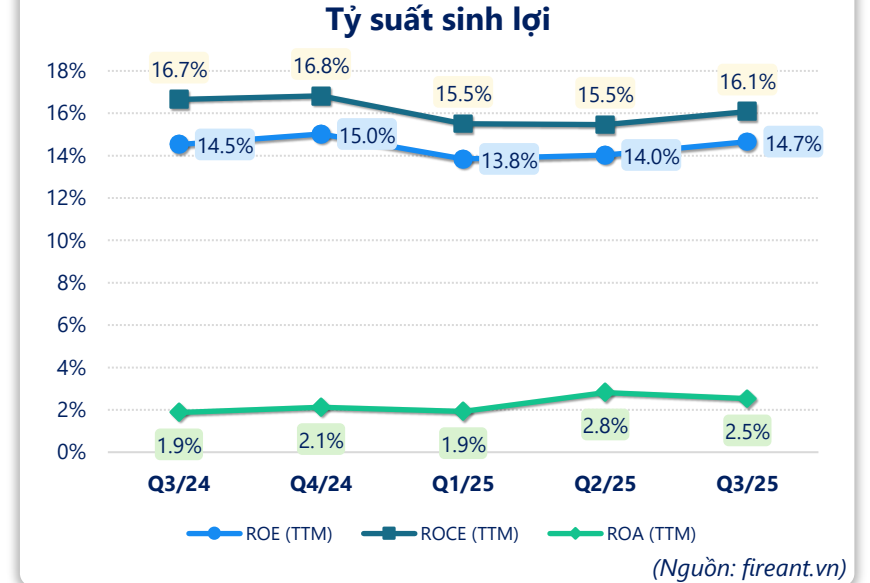
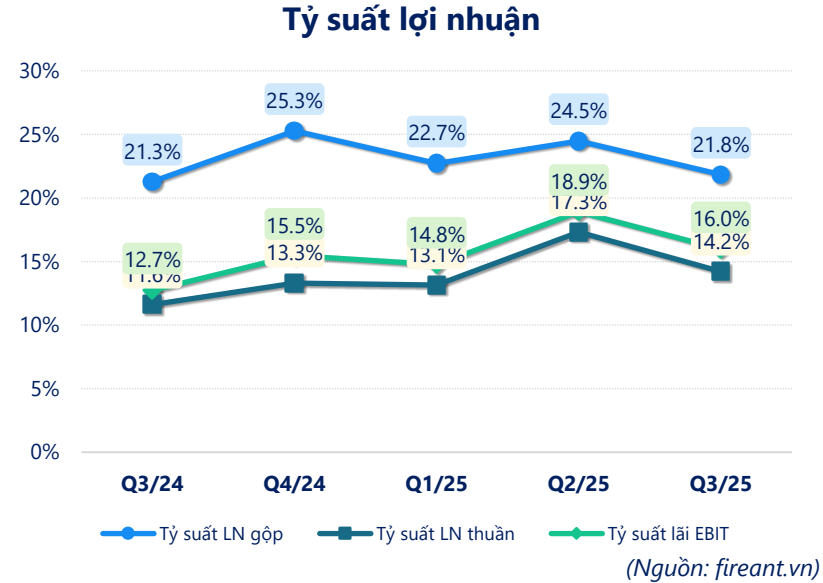
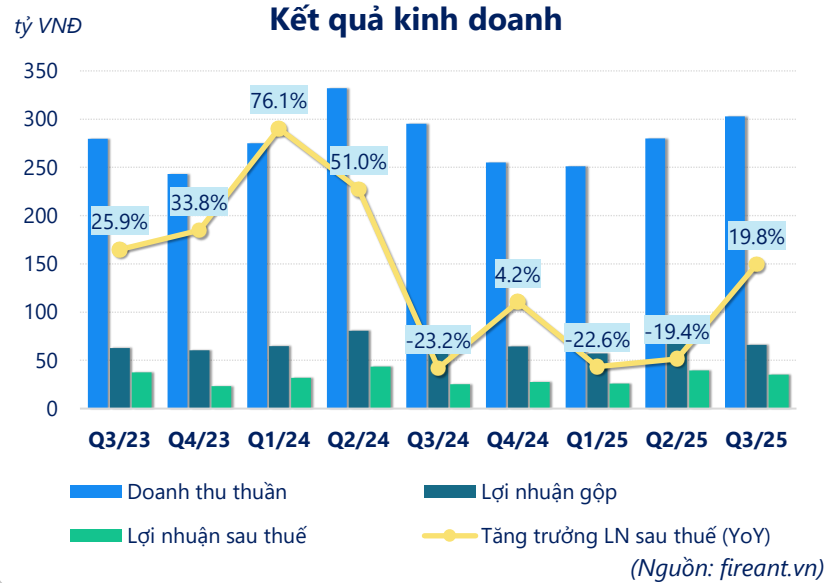


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		30,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		36,295
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		29,850
SL cổ phiếu LH		40,409,950
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,415
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,245
P/E		9.7
EPS		3,164

	YTD	1T	3T	6T
QNP	-10.4%	-0.3%	-4.6%	-8.1%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,390	1,324	5.0%
Tài sản ngắn hạn	636	644	-1.3%
Tiền và tương đương tiền	38.1	93.7	-59.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	307	268	14.7%
Phải thu ngắn hạn	263	242	8.8%
Hàng tồn kho	23.2	23.2	-0.1%
Tài sản ngắn hạn khác	3.59	17.2	-79.1%
Tài sản dài hạn	755	680	10.9%
Phải thu dài hạn	0.00	7.35	-100.0%
Tài sản cố định	629	605	4.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	96.1	40.2	139%
Đầu tư tài chính dài hạn	18.0	18.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	11.6	10.1	14.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	499	444	12.3%
Nợ ngắn hạn	266	209	27.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	30.0	30.0	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	101	93.0	8.9%
Nợ dài hạn	232	235	-0.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	229	235	-2.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	891	880	1.3%
Vốn chủ sở hữu	891	880	1.3%
Vốn điều lệ	404	404	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	295	255	251	280	303
Giá vốn hàng bán	232	191	194	211	237
Lợi nhuận gộp	62.8	64.5	57.0	68.5	66.1
Doanh thu HĐTC	3.49	5.45	3.42	7.68	4.03
Chi phí TC	5.73	4.64	4.43	4.34	4.29
Chi phí lãi vay	4.71	4.64	4.41	4.32	4.24
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	4.50	4.75	3.12	3.90	4.84
Chi phí QLDN	21.8	26.6	19.9	19.5	18.0
LN thuần từ HĐKD	34.3	33.9	33.0	48.5	43.0
Lợi nhuận khác	-1.39	0.87	-0.36	0.13	1.09
LN trước thuế	32.9	34.8	32.6	48.6	44.1
Lợi nhuận sau thuế	25.4	27.5	25.9	39.4	35.1
LNST của CĐ cty mẹ	25.4	27.5	25.9	39.4	35.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	48.4	1.12	30.1	61.5	58.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	25.4	-131	14.5	18.7	-177
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	4.33	-28.4	0.44	0.22	-62.4
Tiền đầu kỳ	174	251	93.7	139	219
Lưu chuyển tiền thuần	78.1	-158	45.0	80.4	-181
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.71	0.69	0.07	0.21	-0.25
Tiền cuối kỳ	251	93.7	139	219	38.1

(Nguồn: fireant.vn)